

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 12 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Đình Cảnh

Bà Đặng Thị Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công H2 - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố H1 Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt - Đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai ngày 06 tháng 10 năm 2020, chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Văn H1 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh ngày 17 tháng 12 năm 2008. Đến tháng 10 năm 2019, anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh H1 nghi ngờ chị không chung thủy, thường xuyên uống bia, xong gây sự xúc phạm, đánh đập chị. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng vào tháng 3/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H1.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Vũ Văn H2, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2009 và Vũ Thu V, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2014. Cháu H2 đang do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu V đến khi đủ 18 tuổi, để cháu H2 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa, theo lời trình bày và yêu cầu của chị H; Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh H1 nhưng anh H1 không đến Tòa án để trình bày lời khai; không tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Vũ Văn M là em ruột anh H1 để giao lại cho anh H1 nhưng anh H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh H1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Vũ Văn H1.

Về con chung: Giao cháu Vũ Văn H2, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2009 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Vũ Thu V, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh H1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin ly hôn anh H1; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thông tin do UBND xã T, huyện K cung cấp về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Vũ Văn H1 có đăng ký kết hôn năm 2008, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 11 năm. Đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H1 nghi ngờ chị H không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị H nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ, lần sau cùng vào tháng 3 năm 2020 đến nay không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Do đó, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị H xin ly hôn anh H1; quan điểm của UBND xã T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1. Như vậy, cần xử cho chị H được ly hôn anh

H1 là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thu V, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2014 đến khi đủ 18 tuổi, để cháu Vũ Văn H2, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2009 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Căn cứ vào thông tin do UBND phường H và UBND xã T cung cấp về việc chị H có chỗ ở, việc làm ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu V. Căn cứ vào thông tin do UBND xã T và anh Vũ Văn M là em ruột anh H1 cung cấp về việc anh H1 có chỗ ở ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10.000.000 đồng trở lên, khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, cháu H2 được anh H1 nuôi dưỡng đảm bảo, đầy đủ điều kiện cho cháu sinh hoạt, học tập và chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ anh H1, cháu H2 có nguyện vọng ở với anh H1. Do đó, cần giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Vũ Văn H1.
2. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn H2, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2009 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Vũ Thu V, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0008982 ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H1 Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND phường H, TP M, tỉnh Quảng Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

